





BÁO CÁO VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 10/2023


Kinh tế Việt Nam – Tín hiệu hồi
phục dài hạn từ khu vực FDI



❖ **CPI** Lạm phát tháng 10 chỉ tăng nhẹ 0.08% MoM và 3.59% YoY. Lạm phát bình quân 10 tháng/2023 tăng 3.2% YoY. Dự kiến CPI tháng 11 tăng 0.4% MoM, 3.63% YoY và bình quân 11 tháng 3.24% YoY. Bình quân cả năm chúng tôi vẫn cho rằng lạm phát sẽ chỉ dao động quanh 3.3-3.5% YoY.



❖ **Bán lẻ** Hoạt động bán lẻ tháng 10 tăng 1.5% MoM và 7% YoY. Lũy kế từ đầu năm đến nay TMBL hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 9.4% YoY, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6.9% YoY (cùng kỳ năm 2022 tăng 16.6%). Tiêu dùng nội địa vẫn còn yếu, khách quốc tế đến Việt Nam vẫn duy trì con số trên 1 triệu lượt khách/ tháng. Lũy kế cả năm 2023, chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng bán lẻ bình quân khoảng 9% YoY



❖ **Sản xuất công nghiệp** (IIP) tháng 10 tăng 5.5% MoM (mức tăng trưởng hàng tháng cao nhất kể từ tháng 9/2022) và tăng 4.1% YoY; lũy kế cả năm IIP tăng trưởng dương 0.5% YoY. Tuy nhiên, báo cáo PMI sản xuất của Việt Nam do S&P Global khảo sát cho thấy các điều kiện kinh doanh tổng thể của Việt Nam tiếp tục suy giảm trong tháng 10 do các công ty tiếp tục giảm sản lượng, số lượng đơn đặt mới và đơn đặt hàng xuất khẩu mới có sự cải thiện khiêm tốn và mức tăng là thấp nhất trong suốt thời kỳ tăng.



❖ **Cán cân thương mại** tháng 10 tiếp tục thặng dư 2.29 tỷ USD. Lũy kế 10 tháng đầu năm, cán cân thương mại xuất siêu 24.68 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước. Thành quả xuất nhập khẩu trong tháng đầu tiên của Quý 4 khá tích cực và dự kiến sẽ duy trì mức phục hồi này trong 2 tháng còn lại của năm. Cán cân thương mại sẽ sớm vượt mốc 25 tỷ USD khi nhu cầu nhập khẩu vẫn khá dè dặt.

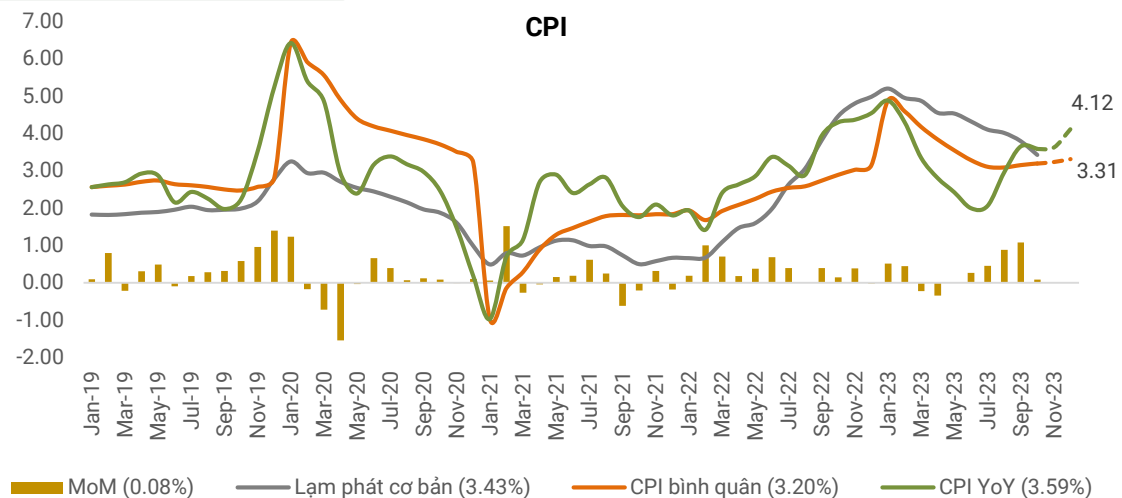


❖ **FDI** Hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong tháng 10 chứng kiến một sự bùng nổ với tổng vốn đăng ký đạt hơn 5.5 tỷ USD (mức cao nhất kể từ tháng 1/2022) chủ yếu ở nhóm ngành năng lượng và công nghiệp. Lũy kế từ đầu năm đến nay, tổng vốn đăng ký đạt gần 25.8 tỷ USD (tăng 14.7%YoY) và là mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Cùng với đó, lượng vốn giải ngân duy trì bình quân quanh 2-3 tỷ USD/tháng là những điểm sáng của kinh tế Việt Nam trong năm nay. Dự kiến, mức giải ngân FDI sẽ duy trì quanh mức này cho 2 tháng cuối năm.

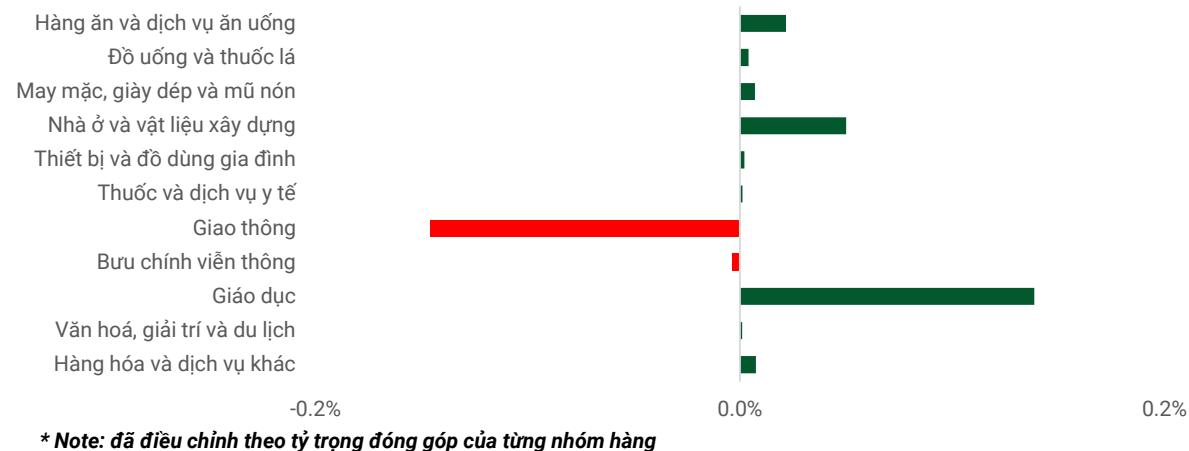


❖ **Ngân sách nhà nước** (NSNN) quay lại thặng dư trong tháng 10 với 56.7 nghìn tỷ đồng. Lũy kế 10T, NSNN thặng dư 41.1 nghìn tỷ

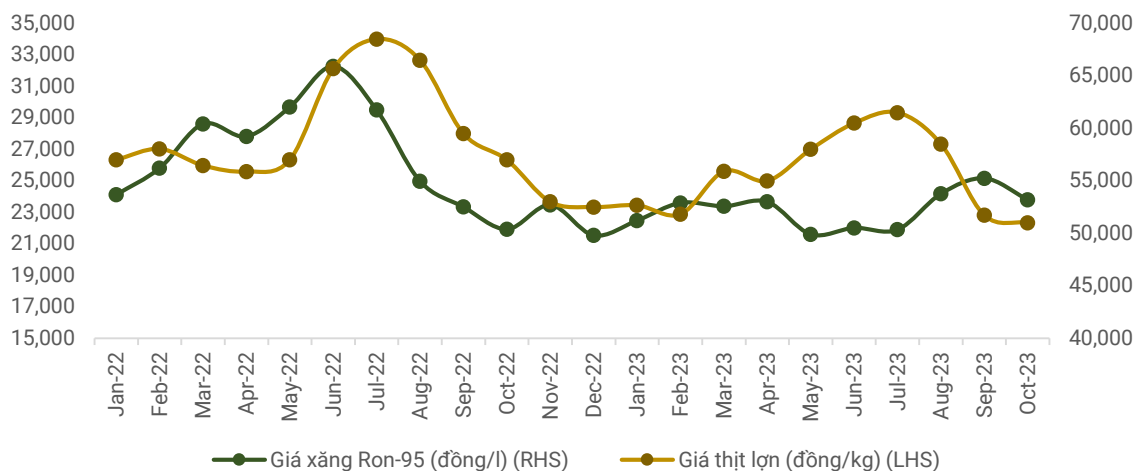
01. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG - CPI



Biến động chỉ số giá CPI tháng 10/2023 (%MoM)

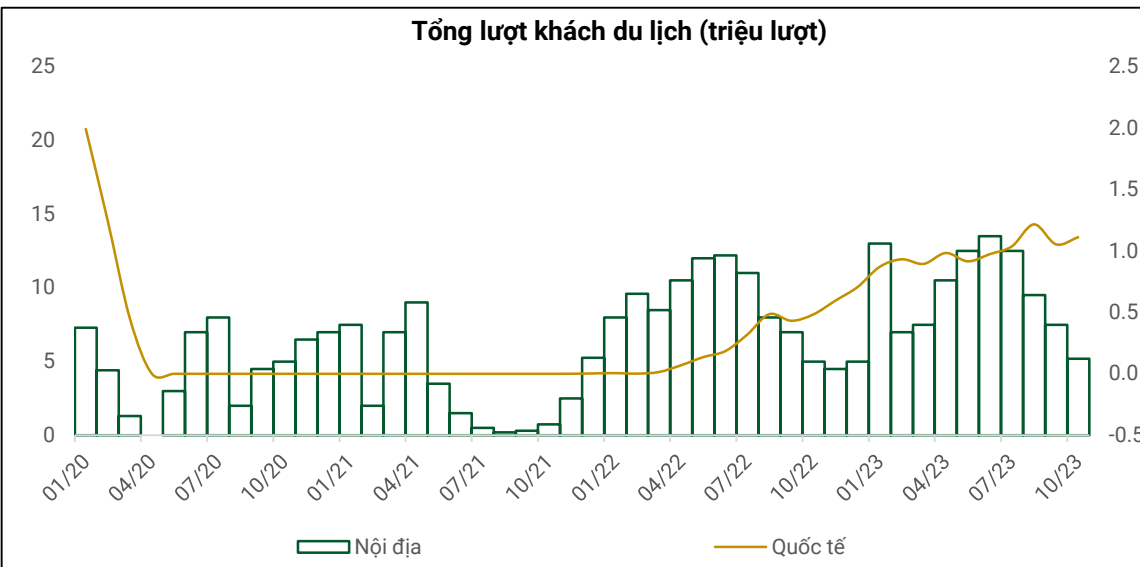
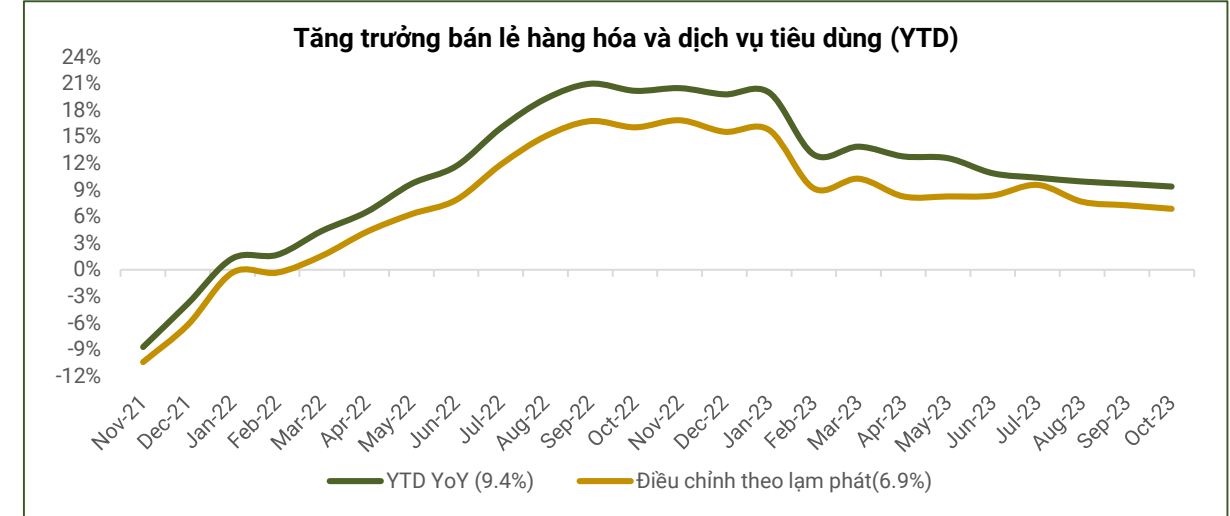
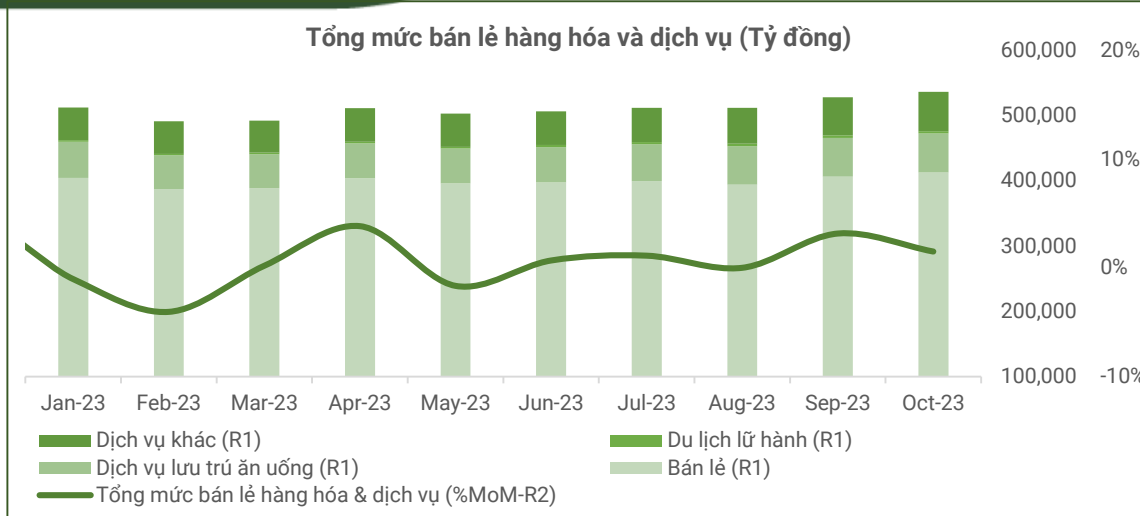


Giá xăng và giá thịt lợn



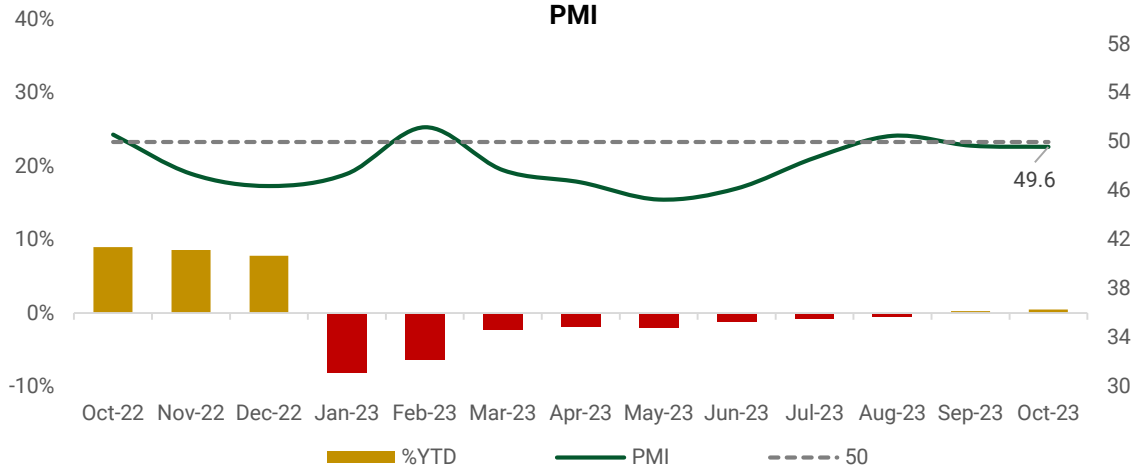
- ❖ CPI tháng 10 chỉ tăng nhẹ 0.08% MoM đã khiến CPI YoY tăng 3.59% (quay đầu giảm so với mức tăng 3.66% YoY trong tháng 9). Mức tăng lạm phát thấp hơn được hỗ trợ chủ yếu bởi sự giảm giá của nhóm năng lượng (giá xăng giảm 4.59% MoM, giá dầu diezen giảm 0.73%) và giá heo hơi trong tháng. Giá heo hơi giảm từ tháng 8/2023 đến nay và chưa có dấu hiệu cải thiện, thậm chí còn giảm sâu hơn do tiêu thụ thực phẩm giảm sút và nguồn cung trong nước vẫn khá dồi dào.
 - ❖ Tuy nhiên, áp lực từ những biến động không lường trước của giá dầu thế giới xung quanh cuộc chiến Israel-Hamas, giá các mặt hàng thực phẩm, đồ uống, may mặc tăng theo quy luật vào thời điểm đầu năm và cuối năm do nhu cầu mua sắm trong các dịp lễ sẽ khiến lạm phát các tháng cuối năm 2023 và đầu năm 2024 có xu hướng tăng lên.
 - ❖ Lạm phát cơ bản tháng 10 tiếp tục xu hướng giảm vững chắc, +3.43% YoY, mức thấp nhất kể từ 08/2022. Lạm phát bình quân từ đầu năm đến nay tăng 3.2% YoY.
- ⇒ **Lạm phát tháng 11 dự kiến tăng 0.4%MoM, 3.63% YoY và bình quân 11T tăng 3.24%. Duy trì dự báo bình quân cả năm 2023 quanh mức 3.3%**

02. BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG



- ❖ Tổng mức bán lẻ (TMBL) hàng hóa và doanh thu và dịch vụ tiêu dùng tăng 1.5%MoM và 7%YoY. Lũy kế 10T, TMBL hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 9.4%YoY, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6.9% YoY (cùng kỳ năm 2022 tăng 16.6%). TMBL hàng hóa và dịch vụ duy trì mức tăng trưởng quanh 6-8% so với cùng kỳ năm ngoái (thấp hơn so với giai đoạn trước dịch) từ thời điểm tháng 5/2023 đến nay, cho thấy khu vực tiêu dùng chưa có sự hồi phục rõ nét, tuy nhiên vẫn giữ được mức tăng trưởng khá nhờ các chính sách hỗ trợ từ phía Chính phủ.
 - ❖ Khách quốc tế đến Việt Nam tiếp tục duy trì trên mốc 1 triệu lượt khách mỗi tháng, trong khi đó khách nội địa giảm mạnh do qua mùa du lịch của năm, học sinh quay trở lại trường học.
- ⇒ **Chúng tôi duy trì dự báo tiêu dùng nội địa vẫn còn yếu do người tiêu dùng trong nước thận trọng trong bối cảnh nền kinh tế trì trệ và thu nhập của người lao động không được đảm bảo khi xu hướng cắt giảm lao động vẫn còn xuất hiện ở các khu công nghiệp (đặc biệt là nhóm ngành may mặc). Dự kiến tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tháng 11 tăng 1-1.5% so với tháng 10. Duy trì dự báo tăng trưởng bán lẻ bình quân cả năm 2023 tăng khoảng 9% YoY.**

Tăng trưởng sản xuất công nghiệp-IIP (%YTD) và chỉ số nhà quản trị mua hàng-PMI

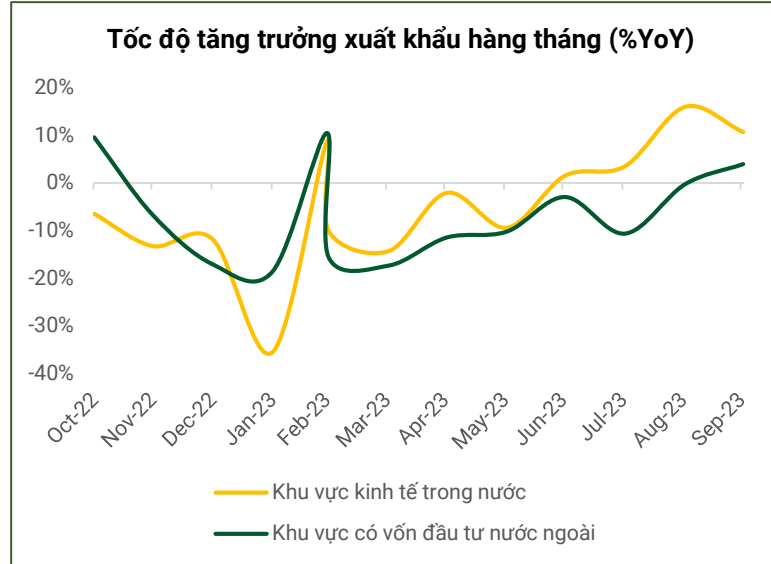
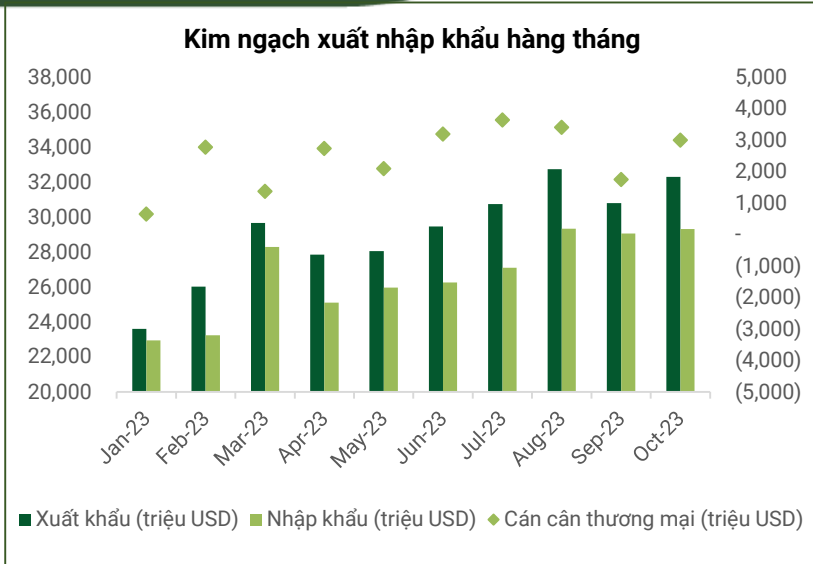


Các sản phẩm công nghiệp chính(%MoM)	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	%YTD YoY
Sắt, thép thô	-9.0%	-3.4%	-3.5%	12.6%	5.8%
Linh kiện điện thoại	3.7%	35.8%	2.3%	12.1%	-2.0%
Bia	-0.5%	-7.9%	-7.0%	9.8%	-2.1%
Xi măng	0.4%	2.1%	-5.1%	8.4%	-4.7%
Ô tô	-34.6%	13.1%	26.2%	7.8%	-16.9%
Thủy hải sản chế biến	-1.9%	3.0%	7.6%	4.4%	-0.5%
Quần áo mặc thường	-5.8%	2.4%	11.2%	2.9%	-1.5%
Giày, dép da	-6.5%	-3.9%	-3.3%	2.8%	-6.0%
Điện thoại di động	21.1%	17.4%	1.7%	2.5%	-11.4%
Vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo	1.7%	-0.7%	2.6%	1.4%	8.3%
Vải dệt từ sợi tự nhiên	-25.8%	4.4%	5.6%	0.1%	1.3%

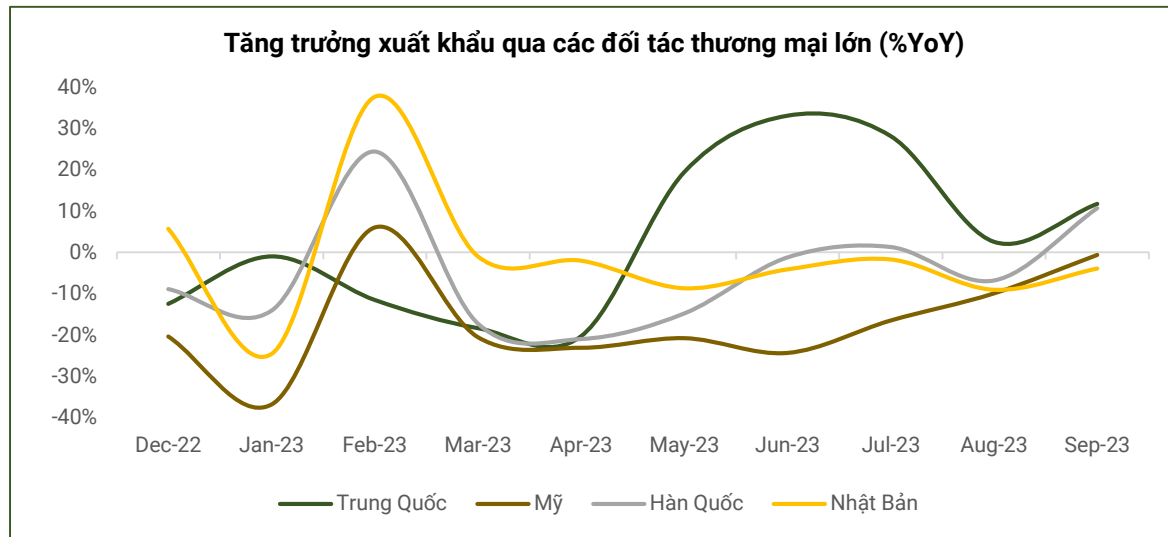
Note: Từ T7 đến T10, càng gần màu xanh, mức độ tăng trưởng hàng tháng càng cao; càng gần màu đỏ mức độ tăng trưởng càng thấp

- ❖ Sản xuất công nghiệp tiếp tục xu hướng tích cực, IIP tháng 10 tăng 5.5% MoM và tăng 4.1% YoY. Lũy kế 10 tháng, IIP chính thức ghi nhận mức tăng trưởng dương 0.5% so với cùng kỳ năm ngoái.
 - ❖ Sản xuất tiếp đà hồi phục ở hầu hết các mặt hàng định hướng xuất khẩu như linh kiện điện thoại (+12.1%MoM), thủy hải sản chế biến (4.4%), quần áo (+2.9%), giày dép (+2.8%),... Các sản phẩm vật liệu xây dựng như sắt thép, xi măng cũng được đẩy mạnh sản xuất do nhu cầu đầu tư công trong nước. Tuy nhiên, lũy kế 10 tháng đầu năm, hầu hết các sản phẩm công nghiệp chính vẫn đều đang ghi nhận mức tăng trưởng âm do nhu cầu tiêu dùng toàn cầu thấp.
 - ❖ PMI vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm trong tháng 10, khi giảm về mức 49.6 điểm so với 49.7 điểm của tháng 9. Kết quả này cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất suy giảm tháng thứ hai liên tiếp. 3 điểm nhấn nổi bật trong báo cáo của S&P về PMI sản xuất của Việt Nam cho thấy:
 - Số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng, nhưng tốc độ tăng chỉ là nhẹ và không đủ để khuyến khích các công ty tăng sản lượng. Thay vào đó, các nhà sản xuất đã dùng HTK thành phẩm để đáp ứng nhu cầu.
 - Sự kết hợp của giá dầu tăng và đồng tiền yếu đã khiến tốc độ lạm phát tăng tháng thứ hai liên tiếp, và giá cả đầu ra đã tăng tương ứng
 - Việc làm hầu như không thay đổi vào đầu quý cuối của năm, từ đó kết thúc thời kỳ giảm việc làm kéo dài 7 tháng.
- ⇒ Sản xuất công nghiệp tăng trong tháng 10 nhưng PMI vẫn dưới ngưỡng 50 cho thấy SX vẫn chưa có nhiều dấu hiệu hồi phục rõ nét. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng hàng tháng vẫn sẽ duy trì được sự cải thiện dần khi sức khỏe của các nền kinh tế lớn vẫn đang cho thấy tốt hơn kỳ vọng và nhu cầu tiêu dùng cho mùa lễ hội giai đoạn cuối năm, đầu năm gần kề.

04. XUẤT NHẬP KHẨU



YTD	xuất khẩu		nhập khẩu		Thặng dư/thâm hụt
	(Triệu USD)	% YoY	(Triệu USD)	%YoY	(Triệu USD)
Tổng	291,280	-7.1%	266,670	-12.3%	24,610
FDI	214,190	-8.1%	171,590	-13.3%	42,600
Trong nước	77,090	-4.1%	95,080	-10.3%	-17,990



- ❖ Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 10 hồi phục tích cực, tăng 4.1%MoM và tăng 5.6%YoY. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu tăng 4.9% MoM và tăng 5.9% YoY, kim ngạch nhập khẩu tăng 0.8% MoM và tăng 5.2% YoY. **Cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận thặng dư 3 tỷ USD trong tháng 10, đánh dấu tháng thứ 18 liên tiếp xuất siêu. Lũy kế từ đầu năm đến nay, cán cân thương mại xuất siêu 24.61 tỷ USD. Đây là mức xuất siêu lũy kế 10 tháng đầu năm lớn nhất kể từ năm 2010 cho tới nay.**
- ❖ Tăng trưởng xuất khẩu của khu vực trong nước liên tục ghi nhận những tín hiệu tích cực hơn so với khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, chủ yếu đến từ nhóm các mặt hàng nông sản và rau quả nhờ nhu cầu từ Trung Quốc hồi phục. Theo số liệu từ Tổng cục hải quan, xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 9 tăng 8.2% MoM, 11.8% YoY, và lũy kế 9 tháng tăng 4% YoY. Kim ngạch xuất khẩu rau quả chính thức được liệt kê vào top 10 mặt hàng có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao nhất trong tháng 10.
- ❖ Mặc dù tăng trưởng xuất khẩu sang Mỹ vẫn đang ghi nhận tăng trưởng âm nhưng với xu hướng đi lên tích cực trong các tháng cuối năm, hàng tồn kho của các doanh nghiệp Mỹ gần về mức thấp nhất kể từ tháng 4/2021 và tăng trưởng kinh tế Mỹ phục hồi tốt hơn kỳ vọng sẽ giúp xuất khẩu duy trì đà hồi phục trong các tháng cuối năm 2023, đầu năm 2024.

04. XUẤT NHẬP KHẨU (tiếp theo)

Top 10 sản phẩm xuất khẩu	Tháng 8 (Triệu USD)	Tháng 9 (Triệu USD)	Tháng 10 (Triệu USD)	%YoY	%YTD YoY
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	5,288	5,476	5,600	17.12%	0.74%
Điện thoại các loại & linh kiện	5,147	5,039	5,100	-3.21%	-12.59%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	3,582	4,070	4,600	16.72%	-7.07%
Hàng dệt may	3,465	2,583	2,700	-0.72%	-12.47%
Giày dép các loại	1,722	1,339	1,350	-31.01%	-20.24%
Phương tiện vận tải & phụ tùng	1,220	1,219	1,300	30.69%	18.15%
Gỗ & sản phẩm gỗ	1,297	1,139	1,200	-0.93%	-19.94%
Máy ảnh, máy quay phim & linh kiện	742	902	980	33.22%	8.60%
Hàng thủy sản	857	813	850	-5.87%	-20.54%
Rau quả	464	667	700	129.73%	78.86%
Tổng xuất khẩu	32,745	30,804	32,310	5.90%	-7.09%

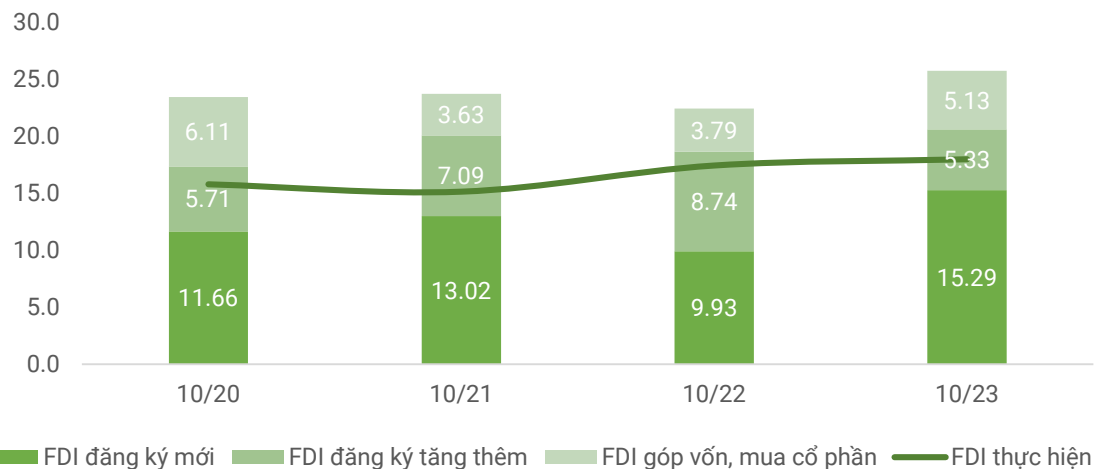
Top 10 sản phẩm nhập khẩu	Tháng 8 (Triệu USD)	Tháng 9 (Triệu USD)	Tháng 10 (Triệu USD)	%YoY	%YTD YoY
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	8,393	8,598	8,200	26.36%	0.81%
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	3,737	3,583	3,500	2.37%	-10.47%
Vải	1,084	1,101	1,150	7.95%	-14.23%
Điện thoại các loại & linh kiện	819	950	1000	-49.73%	-60.36%
Sắt thép các loại	936	997	989	35.25%	-17.25%
Xăng dầu các loại	996	777	815	44.81%	1.18%
Kim loại thường khác	632	658	740	15.93%	-19.76%
Dầu thô	317	288	691	9.92%	-12.99%
Hóa chất	640	650	650	1.85%	-19.78%
Sản phẩm từ chất dẻo	689	662	650	2.77%	-9.99%
Tổng nhập khẩu	29,334	29,056	29,310	5.23%	-12.26%

- ❖ Kim ngạch xuất khẩu tháng 10 tăng 5.9% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng được dẫn đầu bởi nhóm máy tính, điện tử và linh kiện (+17.12% YoY) và nhóm máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (+16.72%YoY). Nhóm điện thoại và linh kiện chứng kiến mức giảm 3.2% YoY nhưng giá trị xuất khẩu của nhóm này trong tháng 10 vẫn đang duy trì trên mức 5 tỷ USD trong 3 tháng liên tiếp (cao nhất trong 12 tháng). Trong khi đó, mặc dù xuất khẩu một số mặt hàng công nghiệp chế biến như dệt may, giày dép, gỗ và sản phẩm gỗ..., đã có tín hiệu phục hồi tích cực trong thời gian gần đây so với những tháng đầu năm nhưng nhìn chung đà phục hồi còn chậm.
- ❖ PMI – tiếp tục dưới mức 50 trong tháng 10. Số lượng đơn đặt hàng và đơn đặt hàng xuất khẩu mới tăng nhưng tốc độ tăng trưởng chậm và là mức yếu nhất trong thời kỳ tăng hiện tại. Khách hàng vẫn ngần ngại trong việc cam kết đơn hàng mới.
- ❖ Do những khó khăn về thị trường xuất khẩu, sự sụt giảm trong đơn hàng xuất khẩu từ đầu năm, cùng với việc giá nguyên liệu hạ nhiệt đã kéo theo nhập khẩu nguyên liệu đầu vào giảm tương ứng. Tính lũy kế 10 tháng, kim ngạch nhập khẩu giảm 12.3%YoY (xuất khẩu: -7.09% YoY). Ngoại trừ máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 0.8%, hầu hết các nhóm hàng chủ lực và là đầu vào quan trọng phục vụ sản xuất các ngành hàng xuất khẩu đều giảm ở mức hai con số.

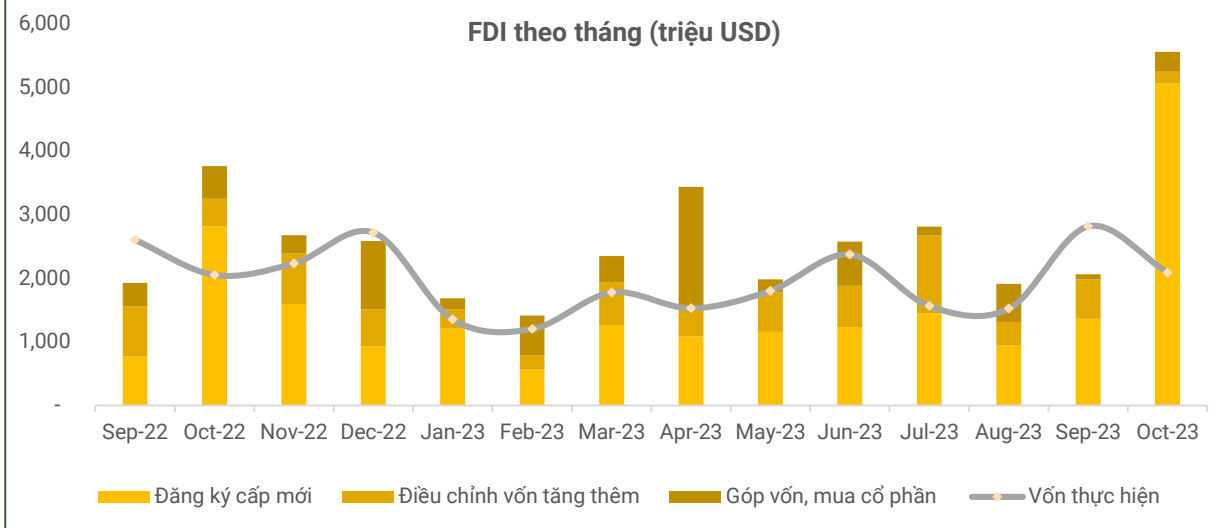
⇒ **Chúng tôi duy trì quan điểm xuất khẩu sẽ phục hồi ở mức độ vừa phải theo yếu tố mùa vụ cuối năm nhưng nhập khẩu vẫn còn khá dè dặt. Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư và dự kiến sớm vượt mốc 25 tỷ USD.**

05. ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI - FDI

Dòng vốn FDI lũy kế từ đầu năm (tỷ USD)



FDI theo tháng (triệu USD)



Top 10 nhà đầu tư FDI	Oct-23	10T/2023	%YTD YoY
Singapore	666	4,649	-13.00
Trung Quốc	455	3,378	97.88
Nhật Bản	112	3,011	-28.15
Hàn Quốc	1,261	3,926	0.48
Hồng Kông	1,626	3,538	159.71
Đài Loan	1,002	2,543	192.57
Hà Lan	105	891	29.52
Hoa Kỳ	8	513	-27.00
Samoa	83	565	140.55
Thái Lan	111	670	160.49

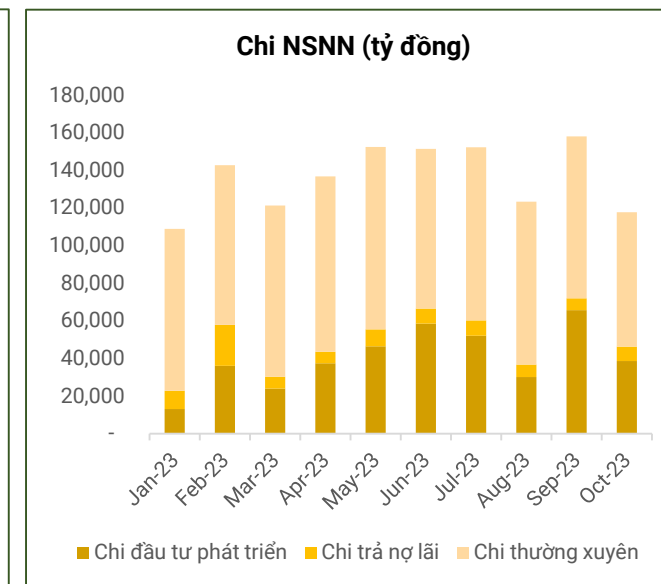
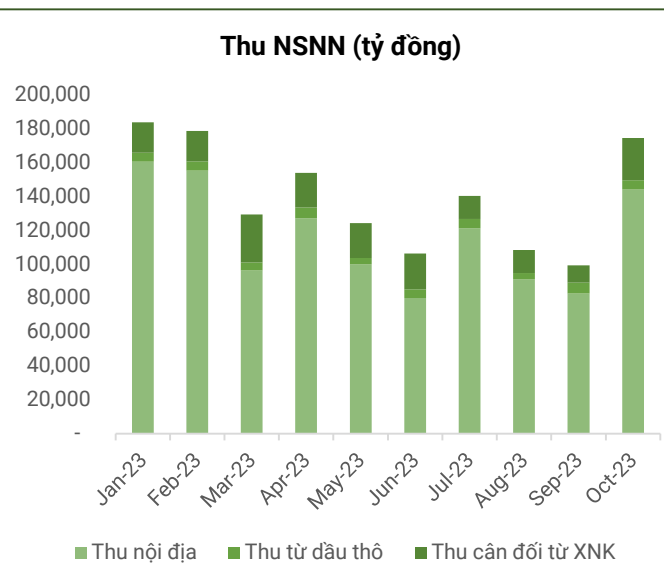
	Oct-23	10T/2023	%YTD YoY
Quảng Ninh	2,271	3,088	41.3%
Hải Phòng	595	2,804	114.2%
Hà Nội	86	2,613	103.7%
TP. Hồ Chí Minh	362	2,318	-32.3%
Bắc Giang	159	1,923	102.5%

❖ Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/10 đạt gần 25.76 tỷ USD, tăng 14.7% YoY. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đạt 15.29 tỷ USD, tăng 54%YoY. Chỉ riêng trong tháng 10, vốn đăng ký cấp mới đã ghi nhận hơn 5 tỷ USD, chủ yếu đến từ các nhà đầu tư Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan với tổng số vốn đăng ký mới trong tháng lần lượt là 1.2 tỷ USD, 1.63 tỷ USD và 1 tỷ USD.

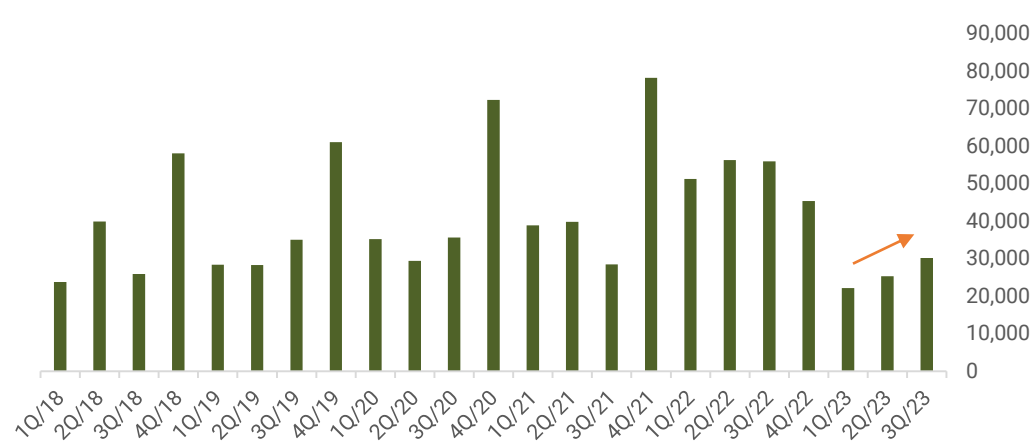
❖ Quảng Ninh, Hải Phòng, Hồ Chí Minh, Bắc Giang là các tỉnh thành thu hút lượng lớn vốn FDI đăng ký mới đổ về mạnh mẽ nhất. Trong tháng 10 Quảng Ninh đã cấp 2 dự án đầu tư mới có vốn đầu tư lớn là Dự án Tổ hợp công nghệ tế bào quang điện Jinko solar Hải Hà Việt Nam (1.5 tỷ USD) và Dự án Nhà máy Lite-on Quảng Ninh (690 triệu USD). Với tổng cộng hơn 3 tỷ USD vốn đăng ký trong 10T, Quảng Ninh đã trở thành địa phương đứng đầu thu hút lượng vốn FDI lớn nhất từ đầu năm đến nay.

⇒ **Lượng vốn đăng ký mới tăng mạnh cho thấy những tín hiệu tích cực sau khi Việt Nam trở thành đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ từ tháng 9. Cùng với đó, lượng vốn giải ngân duy trì bình quân quanh 2-3 tỷ USD/tháng là những điểm sáng của kinh tế Việt Nam trong năm nay. Dự kiến, mức giải ngân sẽ duy trì quanh mức này cho 2 tháng cuối năm.**

YTD (tỷ đồng)	10T/2023	Sv dự toán	Sv cùng kỳ	KH 2023
Tổng Thu NSNN	1,398,700	86.30%	-4.50%	1,620,744
- Thu nội địa (không kể dầu thô)	1,157,700	86.80%	0.00%	1,334,244
- Thu từ dầu thô	51,400	122.40%	-21.50%	42,000
- Thu cân đối từ xuất nhập khẩu	188,800	79.00%	-20.00%	239,000
Tổng Chi NSNN	1,357,600	65.40%	11.40%	2,076,244
- Chi đầu tư phát triển	401,900	55.30%	35.00%	726,684
- Chi trả nợ lãi	80,000	77.80%	2.20%	102,890
- Chi thường xuyên	873,300	74.50%	3.80%	1,172,295
Thặng dư/Bội chi NSNN	41,100			-455,500



Thu tiền sử dụng đất hàng quý (tỷ đồng)



- ❖ Chi đầu tư phát triển tháng 10 chậm lại với 38.6 nghìn tỷ đồng, giảm 41.1% so với tháng trước. Lũy kế 10 tháng đầu năm, chi giải ngân đầu tư công chỉ mới đạt hơn 55% so với kế hoạch, tăng 35% so với cùng kỳ năm ngoái. Với kế hoạch năm 2023 giải ngân đầu tư công đạt 95% kế hoạch của chính phủ, khả năng cao chỉ tiêu này sẽ không đạt được trong năm nay.
 - ❖ Thu ngân sách nhà nước tháng 10 tăng theo yếu tố chu kỳ thu thuế Quý 3. Lũy kế 10 tháng, tổng thu ngân sách nhà nước đạt 86.3% kế hoạch, trong đó thu từ dầu thô đã vượt kế hoạch đề ra do giá xăng dầu nhập khẩu cao và nhu cầu trong nước tăng khi nền kinh tế hồi phục. Chúng tôi nhận thấy thu ngân sách từ bất động sản đã tăng nhẹ lại trong Q3, điều này phần nào cho thấy tín hiệu ấm dần lên của thị trường này. Tuy nhiên về tổng thể, việc hoàn thành thu NSNN vẫn là thách thức với ngân sách trung ương và ngân sách của nhiều địa phương trong năm nay.
 - ❖ Ngân sách nhà nước thặng dư 56.7 nghìn tỷ trong tháng 10. Lũy kế từ đầu năm, Ngân sách nhà nước thặng dư 41.1 nghìn tỷ.
- ⇒ **Chúng tôi vẫn kỳ vọng giải ngân đầu tư công sẽ quay lại mức giải ngân tốt trong 2 tháng cuối năm 2023 mặc dù đã có sự chậm lại trong tháng 10.**

Chỉ báo kinh tế	Jan-23	Feb-23	Mar-23	Apr-23	May-23	Jun-23	Jul-23	Aug-23	Sep-23	Oct-23	2023F
GDP (YoY)			3.3			4.1			5.3		5.0
CPI (YoY)	4.9	4.6	3.4	2.8	2.4	2	2.06	2.96	3.66	3.59	3.5
Tăng trưởng bán lẻ (YTD YoY)	20	13	13.9	12.8	12.6	10.9	10.4	10	9.7	9.4	9.0
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	-23.5	-9	-11	-12.5	-11.6	-11.4	-3.5	-7.6	4.6	5.9	-8.2
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	-22.1	-16.2	-15	-17	-17.9	-16.9	-9.9	-8.3	2.6	5.2	-9.6
Cán cân thương mại (Triệu USD)	656	2,781	1,375	2,743	2,096	3,191	3,641	3,410	1,748	3,000	25,000
FDI thực hiện (Tỷ USD)	1.4	1.2	1.8	1.5	1.8	2.4	1.6	1.5	2.8	2.1	22.9
Tăng trưởng sản xuất công nghiệp (YTD YoY)	-8	-6.3	-2.3	-1.8	-2.0	-1.2	-0.7	-0.5	0.3	0.5	4.0
PMI sản xuất	47.4	51.2	47.7	46.7	45.3	46.2	48.7	50.5	49.7	49.6	51

Chỉ báo kinh tế	Kế hoạch 2023	Dự báo 2023	Kế hoạch 2024
Tăng trưởng GDP (%YoY)	6.50%	5%	6-6.5%
CPI bình quân	4.5%	3.5%	4-4.5%
Công nghiệp chế biến chế tạo/GDP	25.4-25.8%	24%	24.1-24.2%
Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân	5-6%	5.0%	4.8-5.3%
Tỷ lệ lao động qua đào tạo	68%	68%	Khoảng 69%
Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị	Dưới 4%	2.76%	Dưới 4%
Thu ngân sách nhà nước	1,620,744 tỷ đồng	1,620,744 tỷ đồng	Tăng trưởng 5%
Bội chi ngân sách nhà nước/GDP	4%	1%	Dưới 4%
Nợ công/GDP	Dưới 60%	39-40%	Dưới 60%
Nợ chính phủ/GDP	Dưới 50%	36-37%	Dưới 50%
Nợ nước ngoài quốc gia/GDP	Dưới 50%	37-38%	Dưới 50%
Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của chính phủ/ Tổng thu ngân sách	Dưới 25%	20-21%	Dưới 25%
Tăng trưởng tín dụng	14%	9%	Trên 15%
Giải ngân đầu tư công/ Kế hoạch	95%	70%	95%
Lũy kế chiều dài đường cao tốc (kilometers)		1,900	3,000

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Bùi Thị Quỳnh Nga, Chuyên viên cao cấp phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Miễn trừ trách nhiệm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHÚ HƯNG (PHS).

Tầng 21 Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: 1900 25 23 58

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,
Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 & 5, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh
Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (+84-225) 384 1810

Fax: (+84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân
Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo
Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666